

**BIÊN BẢN KIỂM KÊ VÀ BÀN GIAO CƠ SỞ VẬT CHẤT TRƯỜNG HỌC
TÍNH ĐẾN NGÀY 31/12/2025**

Hôm nay vào hồi 09 giờ 00 phút, ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại Trường tiểu học Trần Hưng Đạo, thành phần gồm:

- | | |
|-----------------------------|--|
| 1. Bà Hoàng Thị Thanh Huyền | Chức vụ: Hiệu trưởng, trưởng ban CSVC |
| 2. Bà Tăng Thị Tuyết Mai | Chức vụ: Phó hiệu trưởng, Phó ban CSVC |
| 3. Bà Nguyễn Thị Giang | Chức vụ: Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Hải | Chức vụ: Thành viên |
| 5. Ông Đào Tuấn Sinh | Chức vụ: Thành viên |
| 6. Bà Phạm Thị Tuyết Nhung | Chức vụ: Thư ký |
| 7. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết | Chức vụ: Thành viên |

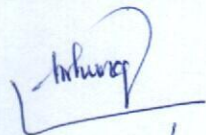
Chúng tôi đã tiến hành kiểm kê và bàn giao cơ sở vật chất với các nội dung cụ thể, kèm theo: (bảng danh mục kiểm kê cơ sở vật chất).

Bên nhận bàn giao có trách nhiệm bảo quản, trông coi, bảo vệ và sử dụng đúng mục đích các cơ sở vật chất trường học đã được giao. Nếu làm hư hỏng hoặc thất thoát cơ sở vật chất phải tự chịu trách nhiệm.

Biên bản kết thúc vào hồi 11 giờ 00 phút cùng ngày.

Đức An, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)


Phạm T. Tuyết Nhung

TRƯỞNG BAN CSVC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Hoàng Thị Thanh Huyền

Đức An, ngày 31 tháng 12 năm 2025

DANH MỤC KIỂM KÊ TÀI SẢN VẬT CHẤT CUỐI NĂM 2025

(Kèm theo biên bản kiểm kê ngày 31 tháng 12 năm 2025 của trường TH Trần Hưng Đạo)

Phòng	Bàn ghế GV	Bàn ghế học sinh	Ti vi	Bảng	Máy tính	Bàn máy tính	Ghế nhựa	Tủ	Quạt	Bóng đèn	máy photo	máy in	Loa	Máy scan	bàn ghế làm việc	bàn ghế tiếp khách	Kê thư viện/ tivi
Tin học	1 bộ	15 bàn 42 ghế	1	1	13	10			2	4							
Tiếng Anh	1 bộ	22 bàn 44 ghế	1	1				1	2	4							
Phòng Đội	1 bộ	1		1	1			2	2	4		1	1		1 bàn làm việc		1
Phòng không	Kính cửa sổ bị vỡ																
Lớp 1A	1 bộ	14 bàn 29 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 1B	1 bộ	15 bàn 30 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 1C	1 bộ	15 bàn 30 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 2A	1 bộ	16 bàn 32 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 2B	1 bộ	17 bàn 34 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 2C	1 bộ	16 bàn 32 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 3A	1 bộ	19 bàn 38 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 3B	1 bộ	17 bàn 33 ghế	1	1				1	4	4							
Lớp 3C	1 bộ	17 bàn 34 ghế	1	1				1	4	4							
Lớp 4A	1 bộ	21 bàn 41 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 4B	1 bộ	21 bàn 42 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 5A	1 bộ	16 bàn 32 ghế	1	1				1	2	4							
Lớp 5B	1 bộ	17 bàn 33 ghế	1	1				1	6	4							
Lớp 5C	1 bộ	16 bàn 33 ghế	1	1				1	2	4							
Thư viện	6 bàn đọc sách	1 bàn 12 ghế	1	1				2 tủ sách	2	4							
Phòng hiệu trưởng								2 tủ hồ sơ	1	2		1			1 bộ	1 bộ	1 bộ



Phòng hiệu phó								1	1	2		1			1 bộ	1 bộ	1 bộ
Văn phòng	4 bàn dài	1 bàn lớn	1				40 ghế xanh 62 ghế nhựa	2 bục	3	6							
Phòng thiết bị	1 bộ			1				1				1					4
Phòng y tế					1		2 ghế nhựa	3	1	2		1			1 bàn làm việc	2 giường	
Phòng kế toán							2 ghế nhựa	2	1	2		1		1	1 bàn làm việc		1



Số: ~~78~~/QĐ-THĐ

Đức An, ngày 30 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
“Về việc thành lập Ban kiểm kê tài sản cơ sở vật chất năm 2025”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC TRẦN HƯNG ĐẠO

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGD&ĐT, ngày 04 tháng 9 năm 2020 về việc ban hành điều lệ trường tiểu học;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2027/QH14 được sửa đổi bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH 15, Luật số 43/2024/QH 15, Luật số 56/2024/QH 15, Luật số 90/2024/QH 15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ – CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2023 của bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định Ban hành danh mục tài sản cố định đặc thù; quy định danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Lâm Đồng;

Căn cứ quy trình thực hiện nhiệm vụ năm học 2025 - 2026 của trường tiểu học Trần Hưng Đạo, quy định của pháp luật về trách nhiệm quản lý sử dụng tài sản công đối với trường học;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ trường học có đến 31/5/2024 gồm các ông (bà) có tên kèm sau: (Có danh sách kèm theo) .

Điều 2. Ban kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ có nhiệm vụ tiến hành kiểm kê tài sản cơ sở vật chất, công cụ dụng cụ trường học có đến 31/12/2025. Thời gian làm việc từ 8h00' đến 11h00' ngày 31/12/2025 dưới sự phân công của trưởng ban. Quá trình kiểm kê có ghi chép đầy đủ các thông số liên quan, tập hợp báo cáo cụ thể đến trưởng ban và bộ phận liên quan xác nhận;

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà) có tên tại Điều 1 thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Thị Thanh Huyền

BẢNG PHÂN CÔNG KIỂM KÊ TÀI SẢN, CÔNG CỤ DỤNG CỤ
(Kèm theo QĐ số 7.8/QĐ-THĐ, ngày 30/12/2025 của Trường tiểu học Trần Hưng Đạo)

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ được giao	Ghi chú
1	Hoàng Thị Thanh Huyền	Hiệu trưởng	Trưởng ban	
2	Tăng Thị Tuyết Mai	Phó hiệu trưởng	Phó trưởng ban	
3	Nguyễn Thị Giang	Giáo viên	Thành viên	
4	Đào Tuấn Sinh	Bảo vệ	Thành viên	
5	Nguyễn Thị Hải	Kế toán	Thành viên	
6	Phạm Thị Tuyết Nhung	Giáo viên	Thư ký	
7	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Y tế	Thành viên	

Danh sách gồm có 07 người

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo
Bộ phận: TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO
Mã QHNS: 1125654

Mẫu số: CS3 – HD
Ban hành theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC
Ngày 17/04/2024 của Bộ Tài chính

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TSCD

Thời điểm kiểm kê: giờ ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà: Hoàng Thị Thanh Huyền	Chức vụ: Hiệu trưởng	Đại diện: Ban CSVC	Tổ trưởng
- Ông/Bà: Tăng Thị Tuyết Mai	Chức vụ: Phó hiệu trưởng	Đại diện: Ban CSVC	Tổ phó
- Ông/Bà: Nguyễn Thị Giang	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Ban CSVC	Tổ viên
- Ông/Bà: Đào Tuấn Sinh	Chức vụ: Bảo vệ	Đại diện: Ban CSVC	Tổ viên
- Ông/Bà: Nguyễn Thị Hải	Chức vụ: Kế toán	Đại diện: Ban CSVC	Tổ viên
- Ông/Bà: Phạm Thị Tuyết Nhung	Chức vụ: Giáo viên	Đại diện: Ban CSVC	Thư ký
- Ông/Bà: Nguyễn Thị Ánh Tuyết	Chức vụ: Y tế	Đại diện: Ban CSVC	Tổ viên

Đã kiểm kê TSCD, kết quả như sau:

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCD	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
1	Dây 08 phòng nhà 02 tầng	TS15	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	3.778.010.000	1.208.963.200	1	3.778.010.000	1.208.963.200				
2	Dây phòng học 4 phòng	TS03	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	1.874.405.000	899.034.400	1	1.874.405.000	899.034.400				
3	Nhà lớp học 6 phòng, 2 tầng	TS 22	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	3.390.396.000	3.119.164.320	1	3.390.396.000	3.119.164.320				
4	Nhà bảo vệ	TS16	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	120.000.000		1	120.000.000					
5	Nhà Hiệu Bộ	TS02	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	670.630.000	274.573.158	1	670.630.000	274.573.158				

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
6	Nhà thư viện học sinh	TS 15	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	201.730.000	120.997.654	1	201.730.000	120.997.654				
7	Giếng khoan nước	TS14	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	80.000.000	24.000.000	1	80.000.000	24.000.000				
8	Cổng trường	TS 39	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	20.000.000	14.000.000	1	20.000.000	14.000.000				
9	Cổng tường rào	TS21	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	523.032.000		1	523.032.000					
10	Khu vui chơi, hoa viên	TS 36	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	36.930.000	25.851.000	1	36.930.000	25.851.000				
11	Nền nhà xe học sinh, giáo viên	TS 38	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	24.622.000	17.235.400	1	24.622.000	17.235.400				
12	Nhà vệ sinh giáo viên	TS19	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	250.000.000		1	250.000.000					
13	Nhà vệ sinh học sinh	TS18	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	192.500.000		1	192.500.000					
14	Nhà xe học sinh	TS 37	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	33.938.000	23.756.600	1	33.938.000	23.756.600				
15	Sân bê tông	TS17	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	207.360.000		1	207.360.000					
16	Máy photocopy	TS07	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	43.800.000		1	43.800.000					
17	Máy vi tính để bàn	TS 23	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	11.890.000		1	11.890.000					
18	Máy vi tính để bàn	TS08	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	11.890.000		1	11.890.000					

STT	Tên tài sản cố định	Mã số TSCĐ	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
				Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số lượng	Nguyên giá	Giá trị còn lại	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8	9	E
19	Máy chiếu	TS 19	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	18.000.000		1	18.000.000					
20	Máy lọc nước	TS 20	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	90.000.000		1	90.000.000					
21	Dù lớn làm mái che	TS13	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	63.000.000	9.450.000	1	63.000.000	9.450.000				
22	Hệ thống phần mềm chuyển đổi sổ Giáo dục - FBOT	TS000015	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	32.500.000	19.500.000	1	32.500.000	19.500.000				
23	Phần mềm kiểm định chất lượng giáo dục, trường chuẩn ABOT	TS 18	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	19.800.000	11.880.000	1	19.800.000	11.880.000				
24	Phần mềm kiểm định CLGD	TS06	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	14.400.000	8.640.000	1	14.400.000	8.640.000				
25	Phần mềm QL thiết bị	TS 22	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	13.000.000	7.800.000	1	13.000.000	7.800.000				
26	Phần mềm quản lý các khoản thu	TS 16	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	13.275.000	7.965.000	1	13.275.000	7.965.000				
27	Phần mềm quản lý nhu cầu tiền lương	TS10	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	16.500.000	9.900.000	1	16.500.000	9.900.000				
28	Phần mềm ra đề và quản lý ngân hàng câu hỏi	TS 17	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	13.500.000	8.100.000	1	13.500.000	8.100.000				
29	Phần mềm tập huấn giáo viên - LMS	TS 30	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	15.500.000	9.300.000	1	15.500.000	9.300.000				
30	Quyền sử dụng Đất	TS01	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	8.100.000.000	8.100.000.000	1	8.100.000.000	8.100.000.000				
	Cộng			30	19.880.608.000	13.920.110.732	30	19.880.608.000	13.920.110.732				

3
C
TAM
DONG

Ý kiến giải quyết số chênh lệch:.....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hoàng Thị Thanh Huyền

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hải

TRƯỞNG BAN KIỂM KÊ

(Ký, họ tên)

Hoàng Thị Thanh Huyền

Đơn vị: Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo
Bộ phận: TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO
Mã DVQHNS: 1125654

BIÊN BẢN KIỂM KÊ CCDC

Số: KKCCDC000005

Thời điểm kiểm kê:.....giờ.....ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban kiểm kê gồm:

- Ông/Bà: Hoàng Thị Thanh Huyền

- Ông/Bà: Tăng Thị Tuyết Mai

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Giang

- Ông/Bà: Đào Tuấn Sinh

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Hải

- Ông/Bà: Phạm Thị Tuyết Nhung

- Ông/Bà: Nguyễn Thị Ánh Tuyết
- Chức vụ: Hiệu trưởng

Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Chức vụ: Giáo viên

Chức vụ: Bảo vệ

Chức vụ: Kế toán

Chức vụ: Giáo viên

Chức vụ: Y tế
- Đại diện: Ban CSVC

Đại diện: Ban CSVC

Đại diện: Ban CSVC

Đại diện: Ban CSVC

Đại diện: Ban CSVC

Đại diện: Ban CSVC

Đại diện: Ban CSVC
- Tổ trưởng

Tổ phó

Tổ viên

Tổ viên

Tổ viên

Thư ký

Tổ viên

Đã kiểm kê CCDC, kết quả như sau:

STT	Tên CCDC	Mã số CCDC	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
1	Bình chữa cháy	CCDC000034	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	8	3.280.000	8	3.280.000			
2	Nội quy tiêu lệnh PCCC	CCDC000035	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	3	600.000	3	600.000			
3	Bồn nước In Noc	CCDC000038	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	8.500.000	1	8.500.000			
4	Phần mềm quản lý giáo án và hồ sơ giáo dục	CCDC000043	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	4.469.400	1	4.469.400			
5	Bàn, ghế học sinh	CCDC000044	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	54	59.616.000	54	59.616.000			
6	Bàn ghế học sinh	CCDC000049	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	30	43.500.000	30	43.500.000			
7	Tủ hồ sơ phòng Đội	CCDC000050	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	3.500.000	1	3.500.000			
8	Máy in laser Canon LBP 251 DW	CCDC000052	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	6.820.000	1	6.820.000			



STT	Tên CCDC	Mã số CCDC	Nơi sử dụng	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	E
9	Phần mềm quản lý thời khóa biểu	TS 26	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	6.000.000	1	6.000.000			
10	Bình nước nóng lạnh	TS 33	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	9.700.000	1	9.700.000			
11	Phần mềm quản lý trường học	TS 35	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	6.000.000	1	6.000.000			
12	Phần mềm quản lý văn bản	TS000016	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	7.216.000	1	7.216.000			
13	Phần mềm website công thông tin điện tử	TS09	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	7.000.000	1	7.000.000			
14	Phần mềm kế toán MISA - MIMOSA	TS11	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	6.000.000	1	6.000.000			
15	Phần mềm QL.TS.VN	TS12	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	9.000.000	1	9.000.000			
16	Phần mềm quản lý thư viện	TS28	TRƯỜNG TH TRẦN HƯNG ĐẠO	1	9.000.000	1	9.000.000			
Cộng				107	190.201.400	107	190.201.400			

Thủ kho
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Hải

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hoàng Thị Thanh Huyền

Trưởng ban kiểm kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đặng Thị Thanh Huyền

Ngày 24 tháng 11 năm 2025

